

TPP HAY RCEP: LỰA CHỌN CỦA CÁC QUỐC GIA, VÙNG LÃNH THỔ ĐÔNG BẮC Á VÀ HÀM Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Phí Hồng Minh*

Ngay sau khi Hoa Kỳ thiết kế TPP như một trụ cột kinh tế trong chiến lược chuyển trục về châu Á, việc Trung Quốc cùng ASEAN gấp gáp xúc tiến RCEP trong vùng Đông Á mở rộng đã dẫn đến sự cạnh tranh địa chính trị gay gắt giữa hai siêu cường lâu đời và mới nổi trên cùng một khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đứng trước bối cảnh ấy, Nhật Bản - quốc gia Đông Bắc Á duy nhất tham gia cả hai khối thương mại - đã xem đây như một cơ hội vàng để cải tổ nền kinh tế đã bị trì trệ hơn hai thập kỷ và cùng Mỹ tạo dựng vị thế lãnh đạo mới trong khu vực và toàn cầu. Hàn Quốc thì đứng ngoài nghe ngóng TPP và cùng Bắc Kinh gấp rút đẩy nhanh FTA Trung - Hàn để hối thúc Nhật Bản quan tâm hơn đến FTA ba bên và tham gia tích cực hơn trong RCEP. Trong khi đó, Đài Bắc đặt mục tiêu tham gia cả TPP và RCEP nhưng những kết quả thu được vẫn hết sức chật vật và xa vời. Dù vậy, chung cuộc của hai khối thương mại khổng lồ vẫn chưa thể đoán định rõ ràng và những diễn biến trong thời gian tới vẫn còn ẩn chứa nhiều nhân tố bất ngờ bởi những bất đồng, nghi ngờ giữa

các thành viên đàm phán trong cả hai hiệp định có thể cản trở những dự kiến đặt ra ban đầu.

1. Sơ lược về TPP và RCEP

Từ cuối năm 2010, song hành với việc Chính quyền Obama xây dựng chiến lược “xoay trục” hay “tái cân bằng” về châu Á - Thái Bình Dương, chương trình Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) từ một sáng kiến của bốn nước Thái Bình Dương đã được thiết kế trở thành cột trụ kinh tế trong chiến lược “tái cân bằng”. Theo đó, TPP đang đàm phán là một hiệp định thương mại “toàn diện và chất lượng cao điển hình của thế kỷ XXI” với phạm vi rộng hơn cả các quy định trong Vòng đàm phán Doha của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đang bị bế tắc. TPP cũng bao hàm các luật lệ và tiêu chuẩn không chỉ giới hạn ở tự do hóa gần như hoàn toàn hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ, mà còn mở rộng sang các quy định “trong biên giới quốc gia” đòi hỏi các quốc gia cần phải cải cách khuôn khổ pháp lý tương thích với các thành viên TPP khác. Hơn thế, thông qua các quy định “xuất xứ nội

* Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

mẽ hơn, bởi phe Cộng hòa nắm lưỡng viện, đây cũng là phe chủ trương tăng ngân sách quốc phòng để đối phó với các nguy cơ đe dọa Mỹ ở khắp nơi. Trong chủ trương tăng ngân sách sẽ có việc gia tăng hiện diện, tăng sức mạnh quân sự ở khu vực.

Khả năng kết thúc đàm phán và ký được Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương cũng là một trong những ưu tiên trong thời gian còn lại làm Tổng thống của Obama. Việc ký kết TPP được phe Cộng hòa ủng hộ mạnh mẽ trong khi không ít nghị sĩ của đảng Dân chủ tỏ ra hoài nghi. Một khi được ký kết, hiệp định này sẽ thiết lập một khu vực thương mại tự do với 800 triệu dân, chiếm 30% kim ngạch thương mại toàn cầu và gần 40% sản lượng kinh tế thế giới. Đây cũng có thể coi là một xung lực quan trọng giúp cho kinh tế Mỹ tiếp tục đi lên và giúp Mỹ duy trì được vị thế của mình trên trường quốc tế ■

Tài liệu tham khảo:

1. Khẩn kiện Tổng thống: Chính trường Mỹ đầy sóng, <http://citinews.net/the-gioi/khoi-kien-tong-thong-chinh-truong-my-day-song-KGSEMNI/>
2. Năm 2014 - một năm mệt mỏi và bế tắc đối với nước Mỹ. <http://www.vietnamplus.vn/nam-2014-mot-nam-met-moi-va-be-tac-doi-voi-nuoc-my/298538.vnp>
3. Các vụ xả súng gây sốc toàn nước Mỹ năm 2014. <http://vietnamnet.vn/vn/quoc-te/212094/cac-vu-xa-sung-gay-soc-toan-nuoc-my-nam-2014.html>
4. Hạ viện Mỹ thông qua "Tuyên bố Chiến tranh Lạnh" với Nga. <http://dantri.com.vn/the-gioi/ha-vien-my-thong-qua-tuyen-bo-chien-tranh-lanh-voi-nga-1004048.htm>
5. Quan hệ Trung - Mỹ căng thẳng <http://www.thanhnien.com.vn/the-gioi/quan-he-trung-my-cang-thang-511085.html>
6. Quan hệ Mỹ - Mỹ La-tinh: Bình đẳng mới bền lâu <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2015/31864/Quan-he-Mỹ-Mỹ-Latinh-Bình-dang-moi-ben-lau.aspx>
7. Nước Mỹ: Khi "bóng ma" sắc tộc vẫn còn đeo bám <http://vietnamdanchu2013.blogspot.com/2014/12/bong-ma-sac-toc-duong-nhu-van-con-co.html>
8. Quan hệ Mỹ - Ấn Độ: Khúc dạo đầu sau cơn sóng gió. <http://nangluongvietnam.vn/news/vn/kinh-te-chinh-tri-phap-luat/quan-he-my-an-do-khuc-dao-dau-sau-con-song-gio.html>
9. Nước Mỹ năm 2014: Phục hồi sức mạnh kinh tế. <http://www.qdnd.vn/qdndsites/vi-vn/61/43/doi-song-quoc-te/nuoc-my-nam-2014-phuc-hoi-suc-manh-kinh-te/339052.html>
10. 2014- 'Năm xấu' của Tổng thống Obama. <http://vov.vn/the-gioi/quan-sat/2014-nam-xau-cua-tong-thong-obama-375135.vov>

Chú thích:

- 1 <http://www.qdnd.vn/qdndsites/vi-vn/61/43/binh-luan-quoc-te/thoa-hiep-khiem-khuyet-nhung-can-thiet-giua-cac-ong-nghi-my/336556.html>
- 2 <http://gafin.vn/tai-chinh-quoc-te/kinh-te-my-tang-truong-manh-nhat-11-nam-3221337/>
- 3 <http://www.vietnamplus.vn/gdp-cua-my-trong-quy-cuoi-nam-2014-tang-truong-cham-hon-du-bao/309507.vnp>
- 4 <http://www.vietnamplus.vn/nam-2014-mot-nam-met-moi-va-be-tac-doi-voi-nuoc-my/298538.vnp>
- 5 <http://www.thesaigontimes.vn/123210/Kinh-te-Mỹ-tang-manh-hon-uoc-tinh-du-bao-kha-quan.html>
- 6 <http://vietnamnet.vn/vn/quoc-te/212094/cac-vu-xa-sung-gay-soc-toan-nuoc-my-nam-2014.html>
- 7 <http://www.thanhnien.com.vn/the-gioi/quan-he-trung-my-cang-thang-511085.html>
- 8 http://daibieunhandan.vn/ONA_BDT/NewsPrint.aspx?newsId=339089

TPP HAY RCEP: LỰA CHỌN CỦA CÁC QUỐC GIA, VÙNG LÃNH THỔ ĐÔNG BẮC Á VÀ HÀM Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Phí Hồng Minh*

Ngay sau khi Hoa Kỳ thiết kế TPP như một trụ cột kinh tế trong chiến lược chuyển trục về châu Á, việc Trung Quốc cùng ASEAN gấp gáp xúc tiến RCEP trong vùng Đông Á mở rộng đã dẫn đến sự cạnh tranh địa chính trị gay gắt giữa hai siêu cường lâu đời và mới nổi trên cùng một khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đứng trước bối cảnh ấy, Nhật Bản - quốc gia Đông Bắc Á duy nhất tham gia cả hai khối thương mại - đã xem đây như một cơ hội vàng để cải tổ nền kinh tế đã bị trì trệ hơn hai thập kỷ và cùng Mỹ tạo dựng vị thế lãnh đạo mới trong khu vực và toàn cầu. Hàn Quốc thì đứng ngoài nghe ngóng TPP và cùng Bắc Kinh gấp rút đẩy nhanh FTA Trung - Hàn để hồi sức Nhật Bản quan tâm hơn đến FTA ba bên và tham gia tích cực hơn trong RCEP. Trong khi đó, Đài Bắc đặt mục tiêu tham gia cả TPP và RCEP nhưng những kết quả thu được vẫn hết sức chật vật và xa vời. Dù vậy, chung cuộc của hai khối thương mại không lồ vẫn chưa thể đoán định rõ ràng và những diễn biến trong thời gian tới vẫn còn ẩn chứa nhiều nhân tố bất ngờ bởi những bất đồng, nghi ngờ giữa

các thành viên đàm phán trong cả hai hiệp định có thể cản trở những dự kiến đặt ra ban đầu.

1. Sơ lược về TPP và RCEP

Từ cuối năm 2010, song hành với việc Chính quyền Obama xây dựng chiến lược “xoay trục” hay “tái cân bằng” về châu Á - Thái Bình Dương, chương trình Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) từ một sáng kiến của bốn nước Thái Bình Dương đã được thiết kế trở thành trụ cột kinh tế trong chiến lược “tái cân bằng”. Theo đó, TPP đang đàm phán là một hiệp định thương mại “toàn diện và chất lượng cao điển hình của thế kỷ XXI” với phạm vi rộng hơn cả các quy định trong Vòng đàm phán Doha của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đang bị bế tắc. TPP cũng bao hàm các luật lệ và tiêu chuẩn không chỉ giới hạn ở tự do hóa gần như hoàn toàn hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ, mà còn mở rộng sang các quy định “trong biên giới quốc gia” đòi hỏi các quốc gia cần phải cải cách khuôn khổ pháp lý tương thích với các thành viên TPP khác. Hơn thế, thông qua các quy định “xuất xứ nội

* Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

khối TPP" và một số quy định khác, Mỹ và các quốc gia thành viên đang hướng tới mục tiêu hình thành mạng sản xuất chặt chẽ hơn trong nội khối TPP và giảm bớt sự phụ thuộc vào các đối tác bên ngoài. Khi Mỹ đưa ra ý tưởng đẩy mạnh TPP, Bắc Kinh mới đầu e dè, thậm chí đã có những động thái xem xét việc tham gia hiệp định này vào đầu 2013. Tuy nhiên, đứng trước việc Mỹ ráo riết xúc tiến các chương trình nghị sự xung quanh TPP, cũng như tính bất khả thi khi cân nhắc tham gia TPP, Bắc Kinh thông qua một số kênh hỗ trợ tài chính các quốc gia Đông Nam Á đã hối thúc khối ASEAN nhanh chóng phát triển một định chế FTA của riêng Đông Á. Sau đó, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn Diện Khu vực (RCEP) được khối ASEAN đưa ra lần đầu vào cuối 2011 và được các quốc gia ASEAN+6 thống nhất các nguyên tắc và lộ trình đàm phán vào tháng 12/2012. Mô hình này thực chất là một FTA hợp nhất từ 5 ASEAN+1 FTA riêng lẻ của mười nước ASEAN với sáu đối tác¹.

Vậy là, chỉ trong một khoảng thời gian ngắn từ khi Mỹ tuyên bố trở lại châu Á, khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã trở thành trọng tâm bùng nổ các hiệp định không lồ khu vực gồm TPP và RCEP. Cả hai cùng có mục tiêu chung là tự do hóa thương mại và liên kết kinh tế, song lại có các cách tiếp cận khác nhau. Về cơ cấu thành viên, TPP là sự kết nối các nước ở vòng cung Thái Bình Dương nhưng không có sự

hiện diện của Trung Quốc và do Mỹ đứng đầu, còn RCEP là các nước trong cộng đồng Đông Á mở rộng, chính là ASEAN+6 (không bao gồm Mỹ) do Trung Quốc cầm trịch. Về nội dung, mô hình TPP toàn diện nhưng tiêu chuẩn ưu tiên hơn về chất lượng với các yêu cầu cao về bảo vệ quyền của người lao động, bảo vệ môi trường, cải cách doanh nghiệp nhà nước, bảo vệ nghiêm ngặt quyền sở hữu trí tuệ, và xóa bỏ thuế quan mạnh mẽ. TPP bao hàm cả mục tiêu chiều sâu về tự do hóa thương mại gần như tất cả các hàng hóa và dịch vụ; đồng thời gồm cả các mục tiêu có độ bao phủ cao và mở rộng ra các cam kết ngoài WTO. Trong khi đó, RCEP hướng tới những tiêu chuẩn thấp hơn và ít đòi hỏi các thay đổi về kinh tế, chủ yếu tập trung vào hạn chế rào cản thương mại với từng quốc gia, dần tự do hóa dịch vụ, mở rộng đầu tư, hợp tác kinh tế, cùng một số nội dung về sở hữu trí tuệ, cạnh tranh và giải quyết tranh chấp. Do đó, so với TPP, RCEP ít đòi hỏi cao, thừa nhận sự khác biệt trong trình độ phát triển giữa các quốc gia khác nhau và tạo ra nhiều hấp dẫn hơn đối với các nước chậm và đang phát triển. Về cơ bản có thể nhận thấy rằng, hai khối thương mại khổng lồ này khi cùng giao thoa ở khu vực Đông Á và châu Đại dương chính là kết quả của sự cạnh tranh địa chính trị giữa hai siêu cường Hoa Kỳ lâu đời và Trung Quốc mới nổi. Sự cạnh tranh giữa hai đối thủ trên cùng một khu vực đã dẫn tới sự

cạnh tranh địa chính trị giữa châu Á - Thái Bình Dương (TPP) và Đông Á mở rộng (RCEP). Trong phần tiếp theo của bài viết, các quan điểm, thái độ và chiến lược của các quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Bắc Á bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan đối với TPP và RCEP sẽ được nghiên cứu chi tiết nhằm cung cấp một bức tranh toàn cảnh về sự cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Bắc Á trước sự bùng nổ các hiệp định thương mại không lồ trong khu vực thời gian qua.

2. Quan điểm của Nhật Bản

Các chương trình Hiệp định Thương mại tự do (FTA) vốn được Nhật Bản sử dụng như một biện pháp trong chính sách thương mại và ngoại giao khu vực với ưu tiên đối với các quốc gia ASEAN nhằm cạnh tranh với Trung Quốc để đạt được vị trí lãnh đạo hàng đầu trong "*Cộng đồng kinh tế Đông Á*". Vì thế, ngay khi Mỹ bắt đầu xúc tiến TPP và ủng hộ sự tham gia của Nhật Bản, Tokyo cũng bày tỏ mong muốn gia nhập dù lo ngại những phản đối trong nước. Tuy nhiên việc Hàn Quốc ký FTA với EU (2010) và Mỹ (2011), và đặc biệt sau thông báo bắt đầu đàm phán Trung - Hàn FTA (cuối 2012) đã khiến Nhật Bản hết sức lo ngại về chương trình FTA của nước này có thể gây nguy hại đến sức cạnh tranh của các công ty Nhật Bản trên những thị trường chủ chốt. Hơn nữa, trong kế hoạch phục hưng nền

kinh tế của Thủ tướng Shinzo Abe mang tên Abenomics, mũi tên thứ ba cho chiến lược phục hưng Nhật Bản là cải cách cơ cấu. Theo đó, TPP và RCEP là hai thành tố quan trọng tạo môi trường cho cải cách cơ cấu hiệu quả đặc biệt là trong khu vực nông nghiệp được bảo hộ cao. Vì vậy, ngày 15/3/2013, Thủ tướng Abe đã tuyên bố Nhật Bản chính thức tham gia đàm phán TPP càng nhanh càng tốt dù vấp phải những phản đối và yêu sách từ những khu vực chịu áp lực cạnh tranh cao.

Trong khi đó, là một trong sáu đối tác FTA của ASEAN, Nhật Bản đồng thời cũng là một thành viên đàm phán RCEP. Theo tính toán của Kawasaki (2014) thì Nhật Bản hưởng lợi nhiều hơn từ RCEP so với TPP (gia tăng 4,5 điểm % GDP so với mức 2,4 điểm % GDP của TPP12) nhờ việc gỡ bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan ở các thị trường lớn quan trọng ở châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Indonesia. Tuy nhiên, Nhật Bản vẫn chú trọng hơn vào TPP như một cơ hội tối quan trọng để cải tổ nền kinh tế Nhật Bản và tham gia quá trình thiết lập các tiêu chuẩn, luật lệ kinh doanh, tự do hóa thương mại mới. Nhật Bản cũng ít lạc quan về kết quả chung cuộc của RCEP khi cho rằng Trung Quốc sẽ cố gắng bảo vệ các ích lợi riêng của mình, cũng như các quốc gia ASEAN sẽ có ít động lực thay đổi mô thức hội nhập "*phương cách ASEAN (ASEAN way)*" như trong năm ASEAN+1 FTA cũ.

Bên cạnh đó, Tokyo đã nhanh chóng kết thúc đàm phán FTA với Australia, xúc tiến FTA với Liên minh châu Âu (EU) và tham gia khởi động FTA Trung - Nhật - Hàn (CJK FTA). FTA giữa EU và Nhật Bản dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối 2015, và đang được đàm phán với các điều khoản chất lượng cao, mở cửa gần như hoàn toàn cho các loại hàng hóa. Tuy nhiên, thỏa thuận thương mại giữa ba cường quốc Đông Bắc Á lại gặp nhiều khó khăn, và khả năng thành hiện thực của một FTA ba bên vẫn còn xa vời do sự cạnh tranh, bất đồng, nghi kỵ lẫn nhau. Hơn nữa, một nhân tố cản trở quan trọng khác là sự phân bổ lợi ích cuối cùng giữa các thành viên bởi lẽ xu hướng tương đồng trong cấu trúc hàng xuất khẩu của ba nền kinh tế Đông Bắc Á đang có chiều hướng ngày càng tăng lên đặc biệt trong các mặt hàng linh phụ kiện điện tử, sắt thép, phụ tùng ô tô, hóa chất... Trên thực tế, các chương trình này đem lại các lợi ích tiềm năng khác nhau cho Nhật Bản, đồng thời tiếp tục củng cố cấu trúc kinh tế tương đối đặc trưng riêng của Nhật ở khu vực Đông Á. Đó là tiếp tục tập trung vào chuyển môn hóa xuất khẩu hàng hóa có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là khi các công ty chế tạo máy móc và ô tô xe máy của Nhật Bản đã thiết lập được mạng lưới sản xuất sâu rộng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương (Terada, 2014). Hơn nữa, TPP được Nhật Bản xem như một FTA nền tảng với các đối tác nền tảng, đồng thời tạo lợi thế cho Nhật Bản trong việc

tham gia thiết lập luật lệ và tiêu chuẩn chất lượng cao, cũng như đem lại lợi ích cho các công ty Nhật Bản trên thị trường Mỹ và Thái Bình Dương. Trong khi đó, RCEP cung cấp một khuôn khổ pháp lý bảo đảm hình thức “*hội nhập trên thực tế dẫn dắt bởi doanh nghiệp*” ở Đông Á; và CJK FTA lại là một phần còn thiếu của bức ghép thương mại hoàn chỉnh (Watanabe, 2013). Vì vậy, cả RCEP và CJK mang lại cho Nhật Bản thuận lợi trên các thị trường khổng lồ quan trọng ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ và Indonesia. Đối với FTA giữa EU và Nhật Bản, Tokyo lại kỳ vọng hướng tới một đối tác Âu - Á và trở thành một cửa ngõ vào châu Á của phương Tây. Trên tất cả, nó cho thấy một bộ chiến lược hoàn chỉnh nhằm bảo vệ các lợi ích của Nhật Bản trên các thị trường chủ chốt vừa đóng vai trò dẫn dắt hội nhập kinh tế khu vực và xây dựng một vị thế ảnh hưởng vững chắc hơn trên toàn cầu.

3. Lựa chọn của Hàn Quốc

Do vấn đề an ninh với Bắc Triều Tiên, chính sách hội nhập kinh tế khu vực của Hàn Quốc, cũng như chính sách thương mại nói chung của nước này ngoài việc tập trung vào lợi ích kinh tế, thì một mục tiêu hết sức quan trọng khác là ổn định an ninh chính trị. Hơn nữa, do mối quan hệ gần gũi đặc biệt giữa Trung Quốc và Bắc Triều Tiên, Hàn Quốc vừa duy trì quan hệ đồng minh với Mỹ, đồng thời vẫn nỗ lực phát triển mối quan hệ thân thiện cần thiết

với Trung Quốc cả trên phương diện chính trị ngoại giao cũng như kinh tế nhằm kiểm soát căng thẳng an ninh trên bán đảo. Do đó, dù Hàn Quốc là một đồng minh của Mỹ và mối quan hệ quân sự giữa hai bên được phản ánh trong Hiệp ước Phòng thủ chung Mỹ - Hàn Quốc, song Seoul vẫn phải hợp tác với Bắc Kinh để duy trì một kênh trung gian trao đổi với Bình Nhưỡng nhằm kiểm soát các mối đe dọa từ Bắc Triều Tiên. Việc xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với Bắc Kinh càng có ý nghĩa quan trọng hơn trong bối cảnh căng thẳng hai miền Triều Tiên tăng cao với những nỗ lực phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên đang rơi vào vô vọng. Thậm chí, nếu một kịch bản thống nhất hai miền diễn ra sẽ kéo biên giới Hàn Quốc tiếp giáp Trung Hoa, khi đó Hàn Quốc càng phải cân nhắc chính sách đối ngoại của mình với người hàng xóm to lớn này. Vì vậy, khác với mối quan hệ tay ba Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc về an ninh - quân sự, thì Hàn Quốc về cơ bản cần thiết phải đảm bảo sự trung lập trong mối quan hệ Mỹ - Trung Quốc nhằm đảm bảo các lợi ích kinh tế, chính trị cũng như ngoại giao trong khu vực.

Do sự gắn kết lợi ích kinh tế và địa chính trị với Trung Quốc, nên dù được Mỹ mời chào tham gia TPP Hàn Quốc vẫn giữ một thái độ nghe ngóng với TPP và luôn thăm dò thái độ Trung Quốc nhằm tránh những nghi ngại từ Bắc Kinh. Đặc biệt là khi Trung Quốc có cái nhìn về TPP như một chiến lược

ngăn chặn và kiềm chế Trung Quốc của Hoa Kỳ và đang thắt chặt vòng vây với sự góp mặt của Nhật Bản. Vì vậy việc tham gia TPP như một chỉ dấu nghiêng về Mỹ, và có thể gây bất lợi cho quan hệ Trung-Hàn. Bên cạnh đó, Hàn Quốc là một quốc gia tích cực và đạt nhiều thành tựu trong chiến lược FTA song phương. Với tổng cộng 33 FTA đã thực hiện, đã ký kết và đang đàm phán, Hàn Quốc thể hiện là một quốc gia tích cực hơn trong chiến lược FTA so với Nhật Bản (27 FTA), Trung Quốc (29 FTA) và Đài Loan (13 FTA) (ARIC-ADB, 1/2015). Đáng chú ý, Hàn Quốc cũng đã thu được FTA với ba đối tác kinh tế lớn thứ hai, thứ ba và thứ tư của mình là ASEAN, EU (KOREU) và Mỹ (KORUS), đồng thời đã kết luận với đối tác thương mại lớn nhất là Trung Quốc (dự kiến ký kết vào đầu năm 2015). Đặc biệt là thỏa thuận với EU và Mỹ có tính chất như hai FTA chất lượng cao và đang chịu nhiều chỉ trích từ những khu vực chịu ảnh hưởng tiêu cực. Thêm nữa, tính đến hết năm 2014, Hàn Quốc đã kết thúc và chuẩn bị kết luận FTA song phương với 9 trên 12 thành viên của TPP (xem Bảng 1). Các thành viên TPP còn lại thì hoặc là có tỷ trọng thương mại rất nhỏ, hoặc đang gặp khó khăn lớn trong đàm phán FTA như vấn đề sản phẩm nông nghiệp với Canada, Australia, và New Zealand, ngành công nghiệp ô tô và chế tạo với Nhật Bản, bảo vệ một số mảng sản xuất

trong nước với Mexico. Trong đó, ba đối tác là Nhật Bản, Australia và New Zealand là thành viên đàm phán của RCEP nên Hàn Quốc có thể tiếp cận thị trường ba nước thông qua khối này. Chính vì vậy, với các FTA hiện đã đạt được và đang đàm phán thì việc tham gia TPP không mang lại lợi ích đáng

kể đối với Hàn Quốc. Hơn thế, TPP lại gặp phải sự phản đối mạnh mẽ từ những người nông dân và các doanh nghiệp chế tạo Hàn Quốc. Vì thế, đàm phán việc thực thi KORUS FTA và Hàn Quốc - EU FTA theo đúng kế hoạch đã cam kết cũng là một nỗ lực rất lớn của chính phủ và nền kinh tế Hàn Quốc.

Bảng 1: Môi quan hệ giữa Hàn Quốc và các quốc gia thành viên TPP

Quốc gia		GDP (tỷ USD)	Xuất khẩu của Hàn Quốc		Tình trạng FTA với Hàn Quốc
			Giá trị (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	
Các quốc gia P4	Singapore	223	15	3,27	đã kết luận
	Chile	203	3	0,63	đã kết luận
	New Zealand	140	1	0,20	đang đàm phán
	Brunei	13	0,1	0,01	đã kết luận
Các thành viên mới	Hoa Kỳ	14.658	50	10,68	đã kết luận
	Australia	1 236	7	1,42	gần như kết luận
	Malaysia	238	6	1,31	đã kết luận
	Peru	153	1	0,20	đã kết luận
	Việt Nam	104	10	2,07	đã kết luận
Tổng cộng				19,80	

Nguồn: Cheong (2013)

Là một đối tác FTA của ASEAN, Hàn Quốc là một trong 16 quốc gia tham gia đàm phán RCEP. Do sự gắn bó lợi ích với Bắc Kinh và mối quan hệ chặt chẽ trong mạng sản xuất Đông Á mở rộng, Seoul hết sức chú trọng vào RCEP và cố gắng đóng vai trò tích cực trong hiệp định này. Trên thực tế, mối quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Hàn Quốc đã phát triển mạnh mẽ kể từ sau khi hai bên bình thường hóa quan hệ ngoại giao năm 1992. Từ năm 2004, Trung Quốc đã vượt Nhật Bản và Mỹ để

trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Hàn Quốc. Trung Quốc và Hongkong cũng là điểm đến hàng đầu của các nhà đầu tư Hàn Quốc. Năm 2012, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 24,5% tổng xuất khẩu của Hàn Quốc với trị giá 134,3 tỷ USD trong khi nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc đạt giá trị 80,78 tỷ USD chiếm 15,5% tổng kim ngạch nhập khẩu. Thặng dư thương mại với Trung Quốc đạt 53,54 tỷ USD, gần gấp đôi tổng thặng dư của Hàn Quốc năm 2012. Không chỉ vậy, mối quan hệ

Trung - Hàn cũng đang tiến triển hết sức tốt đẹp trên phương diện chính trị, ngoại giao. Chẳng hạn như Hàn Quốc đã hết sức ủng hộ Trung Quốc với các phương án hội nhập khu vực và thể hiện nhiều quan điểm thuận chiều với Bắc Kinh trong các sáng kiến khu vực. Đáng chú ý trong thời điểm tháng 10/2013², nhận thấy thái độ thay đổi của Trung Quốc đối với TPP, lãnh đạo Hàn Quốc đã thể hiện sự quan tâm đối với hiệp định này, thậm chí đã chuẩn bị hồ sơ đề xuất tham gia với các thành viên vào tháng 2/2014 nhưng đột ngột dừng lại. Sau đó là chuyến thăm lịch sử của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tới Seoul tháng 7/2014 trước khi thực hiện chuyến công du tới Bình Nhưỡng như tiền lệ của những người tiền nhiệm. Động thái này chỉ dấu một xu hướng mới trong quan hệ Trung - Hàn, và Bắc Kinh đang nỗ lực kéo Seoul về gần hơn nhằm tạo hậu thuẫn đối đầu với Nhật Bản và cản trở sự hiện diện của Hoa Kỳ trong khu vực. Cũng trong cuộc tiếp xúc này, Trung Quốc đề xuất Hàn Quốc chung tay tham gia tích cực RCEP giúp hiệp định này sớm được kết luận đúng hạn. Bên cạnh đó, Hàn Quốc có mức độ phụ thuộc cao vào thương mại nội vùng nên đóng góp vào xuất khẩu cũng như tác động của RCEP đối với Hàn Quốc ở mức cao hơn hẳn so với TPP. Theo kết quả tính toán của Petri (2014), Hàn Quốc đã thu lợi nhiều hơn từ RCEP so với TPP. RCEP là thị trường trọng điểm của Hàn Quốc, chiếm tới 50,2% tổng xuất khẩu của

Hàn Quốc, trong khi TPP chỉ là 31,5%, và thị trường đáng kể trong TPP là Mỹ thì Seoul đã đạt được hiệp định mẫu dịch tự do KORUS.

4. Đối sách của Đài Loan

Với Đài Loan, nguyên tắc “*một Trung Quốc*” do Bắc Kinh áp đặt với bất kỳ quốc gia nào có quan hệ ngoại giao với mình đã thu hẹp không gian chính trị của Đài Loan và cô lập Đài Loan ra khỏi vũ đài chính trị ngoại giao trên thế giới. Chính vị trí chính trị hạn hẹp đã khiến Đài Loan vô cùng chật vật khi cố gắng xoay xở các kế hoạch FTA của mình. Cho đến trước khi Quốc Dân Đảng trở lại nắm quyền năm 2008, Đài Loan chỉ thu được FTA với 5 nước đồng minh ngoại giao ở Trung Mỹ, chiếm chưa đến 0,2% tổng ngoại thương của Đài Loan. Chỉ sau khi ông Mã Anh Cửu lên nắm quyền, cùng với các chính sách thân thiện Bắc Kinh đã phần nào giúp nới lỏng không gian đối ngoại của Đài Loan nhất là sau khi hai bờ Eo biển Đài Loan đạt được hiệp định lịch sử Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế (ECFA) tháng 6/2010. Việc đạt được một hiệp định thương mại, dù mới chỉ như một “FTA-”, với Trung Quốc đã tạo cơ hội cho Đài Loan mở rộng đàm phán các thỏa thuận thương mại với các đối tác kinh tế chủ chốt của mình. Năm 2013, đánh dấu một năm thành công của Đài Loan khi thu được hai thỏa thuận thương mại với New Zealand vào tháng 7, và Singapore vào tháng 11, hiện tại

nghiên cứu khả thi hướng tới hiệp định thương mại giữa Đài Loan với Ấn Độ và Indonesia đã được hoàn thành, và giữa Đài Loan với Philippines và Malaysia đang được thực hiện. Tuy nhiên, ngoài những thành công bước đầu trong các nỗ lực thúc đẩy các hiệp định thương mại song phương, Đài Loan vẫn bị đứng ngoài quá trình hình thành các định chế thương mại khu vực. Là một thành viên đầy đủ của APEC và WTO, Đài Loan có thể tham gia cả TPP và RCEP do cả hai đều nằm trong khuôn khổ APEC hay WTO, song cơ hội tham gia của hòn đảo vẫn hết sức le lói. Mặc dù tỷ trọng thương mại của 16 đối tác trong RCEP với Đài Loan chiếm tới 56,6% tổng ngoại thương của Đài Loan năm 2013 cao hơn hẳn so với 12 đối tác trong TPP (chiếm 34,4%), song TPP lại được Đài Loan chú ý, thực hiện nghiên cứu khả thi và xúc tiến sớm hơn RCEP do sự nổi lên muộn hơn của RCEP. Hiện tại, Chính quyền Đài Loan cam kết sẽ nỗ lực hết sức và sử dụng mọi nguồn lực sẵn có để đẩy nhanh tiến trình tham gia cả hai khối thương mại này ở tốc độ nhanh nhất có thể³.

Dù Đài Loan đã thể hiện quyết tâm xúc tiến tham gia TPP, song Hoa Kỳ mới chỉ biểu hiện thái độ “*ủng hộ đòi hỏi về không gian quốc tế phù hợp*” của Đài Loan và “*chào đón sự quan tâm của Đài Loan đối với TPP*” chứ chưa hề có phát ngôn chính thức ủng hộ Đài Loan tham gia TPP. Trung Quốc cũng chưa

có ý kiến rõ ràng đối với chương trình xúc tiến tham gia TPP của hòn đảo. Dù vậy, thái độ của Bắc Kinh đối với các nỗ lực mở rộng không gian quốc tế của Đài Loan cơ bản cần có hai điều kiện: đầu tiên là nhất quán “*nguyên tắc một Trung Quốc*” - không dẫn đến việc tạo “*hai Trung Quốc*” hay “*một Trung Quốc, một Đài Loan*”; và thứ hai là cần tham vấn Bắc Kinh trước (Glaser, 2013). Nếu theo điều kiện đầu tiên thì Đài Loan hoặc cùng tham gia, hoặc cùng đứng ngoài TPP với Trung Quốc. Tuy nhiên, một khi Bắc Kinh chưa bày tỏ thái độ phản đối thì hành động đó của Đài Loan vẫn có thể tiếp tục được triển khai. Chính vì vậy, khả năng Đài Loan có thể tham gia TPP hay không vẫn là một câu hỏi ở phía trước, tùy thuộc vào mức độ quan hệ Mỹ - Trung, quan điểm của Bắc Kinh, cũng như vai trò của Đài Bắc trong mắt Washington. Thậm chí, trong trường hợp Đài Loan có thể tham gia TPP thì khả năng hòn đảo này sẽ chỉ có thể tham gia trong giai đoạn sau khi TPP đã hoàn thành đàm phán bởi lẽ việc đưa Đài Bắc tham gia sớm hơn sẽ trở thành một dấu hiệu đe dọa đối với Bắc Kinh và có thể đưa Washington vào thế bất lợi do Bắc Kinh sẽ sử dụng một số kênh tác động cản trở tiến trình TPP.

Dù hiện tại Đài Loan hoàn toàn đứng ngoài tất cả các định chế khu vực với tâm là ASEAN, song Đài Loan vẫn còn cơ hội để Trung Quốc mở ra một lối nhỏ cho Đài Loan. Bởi lẽ về địa lý thì Đài Loan thuộc Đông Á tức là thuộc tiêu chí

“*khu vực*” của RCEP, Đài Loan cũng là thành viên của APEC, và vị trí kinh tế của hòn đảo này gắn bó chặt chẽ với các quốc gia thành viên RCEP nên vấn đề chủ chốt Đài Loan cần giải quyết là Trung Quốc. Theo Cheng và Chow (2013), lập trường của Trung Quốc trong vấn đề này có thể được mô tả theo ba hướng sau: i) Đài Loan cần tiếp tục mở rộng ECFA để đưa quỹ đạo phát triển của Đài Loan ngày càng kết hợp chặt chẽ với Đại lục về kinh tế trong ngắn hạn và chính trị trong dài hạn; ii) Trung Quốc sẽ tiếp tục trì hoãn nguyện vọng tham gia RCEP của Đài Loan sau khi RCEP đã hoàn thành vào năm 2015 và sự tham gia này cũng sẽ dựa trên một số điều kiện của Trung Quốc; iii) Trung Quốc có thể ngăn chặn sự tham gia của Đài Loan vào TPP hoặc đưa ra những giới hạn đố đối với cả Đài Loan và Mỹ.

5. Kết luận và hàm ý đối với Việt Nam

Như vậy, sau khi Mỹ ráo riết thúc đẩy TPP như một trọng tâm kinh tế trong chiến lược “*xoay trục*” về châu Á, Bắc Kinh đã đẩy nhanh các chương trình FTA của mình như các FTA Trung - Australia, Trung - Hàn, Trung - Nhật - Hàn và đặc biệt là RCEP để trở thành các kênh phân tán, cũng như làm đối trọng với TPP. Việc hai siêu cường thúc đẩy hai chương trình tuy giao thoa nhau song lại theo hai cực rõ rệt đã khiến “*bát mì Spaghetti*” chủ nghĩa khu vực châu Á - Thái Bình Dương càng thêm khuấy động lộn xộn hơn. Các quốc gia và vùng

lãnh thổ trong khu vực như một lẽ tự nhiên vừa nghe ngóng, nhưng cũng gấp rút sắp xếp các chiến lược FTA của bản thân, đồng thời tìm cho mình chỗ đứng giữa hai người khổng lồ. Cho đến thời điểm này, tương lai các thể chế kinh tế khu vực vẫn chưa thể đoán định một cách rõ ràng đặc biệt khi TPP vẫn còn rất nhiều bất đồng phải vượt qua; và RCEP sẽ khó kết luận một khi lập trường của ba cường quốc Trung - Nhật - Hàn và khối ASEAN chưa thống nhất.

Với Việt Nam, việc trở thành một trong bảy quốc gia cùng đàm phán cả TPP và RCEP tạo nên những tác động bổ sung lẫn nhau và mang lại một số lợi ích về thương mại và đầu tư. Trước hết, tham gia cả hai khối tạo cơ hội cho Việt Nam được tham dự vào quá trình xây dựng các quy tắc luật lệ, và có thể đàm phán điều chỉnh các quy tắc, cũng như lộ trình thực hiện theo hướng có lợi cho mình đặc biệt là khi Việt Nam là một nền kinh tế đang chuyển đổi với hệ thống thể chế chưa thực sự hoàn thiện. Bởi lẽ nếu tham gia giai đoạn sau Việt Nam không chỉ không được tham gia quá trình hình thành khuôn khổ, mà còn phải chấp thuận các luật lệ có sẵn, đồng thời phải vận động giành được sự chấp thuận của các thành viên.

Thứ hai, nằm trong cả TPP và RCEP, đặc biệt là từ Việt Nam có thể thuận lợi tiếp cận các thị trường Trung Quốc và ASEAN, thì Việt Nam có cơ hội rất lớn để thu hút FDI. Thậm chí Việt Nam có quyền lựa chọn những luồng FDI có

chất lượng đầu tư và hưởng lợi từ cả hai hiệp định. Để tận dụng và đón đầu dòng đầu tư này, Việt Nam cần có kế hoạch phát triển dài hạn các ngành, lĩnh vực có lợi thế có khả năng thâm nhập các thị trường TPP và RCEP, từ đó có chính sách khuyến khích đầu tư, hợp tác hợp lý đặc biệt là cần thu hút đầu tư từ các nhà cung ứng thượng nguồn và trung nguồn trong các ngành công nghiệp hỗ trợ. Đồng thời, Việt Nam cần có chiến lược phát triển năng lực của các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) tạo tiền đề cho việc gia tăng liên kết chuỗi phụ và cộng tác giữa các công ty trong nước và nước ngoài, gia tăng sự tham gia của các công ty trong nước vào chuỗi cung ứng của các công ty xuyên quốc gia. Tạo được những liên kết này mới tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam chuyển dịch lên vị trí cao hơn trong chuỗi sản xuất, cung ứng khu vực và toàn cầu, cũng như thiết lập được các kênh kích thích ảnh hưởng lan tỏa của FDI đối với nền kinh tế. Hơn thế, việc xây dựng được hệ thống ngành công nghiệp hỗ trợ và liên quan hiệu quả cùng hệ thống cơ sở hạ tầng và pháp lý đồng bộ tự nó lại tăng tính hấp dẫn của môi trường kinh doanh trong nước, gia tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Tuy nhiên, Việt Nam cũng cần có những tiêu chuẩn nhất định về công nghệ, môi trường, lao động... để vừa thỏa mãn các tiêu chuẩn ngặt nghèo trong TPP, vừa đem lại cơ hội cho Việt

Nam có thể nâng cấp lên vị trí mới trong chuỗi giá trị, cũng như mạng sản xuất khu vực và toàn cầu.

Việc tham gia TPP và RCEP tuy tạo những cơ hội lớn, song cũng mang lại những bất lợi và áp lực nhất định đối với nền kinh tế một khi hai hiệp định hoàn thành và trong lộ trình thực thi. Khi xem xét giữa hai khối, thì TPP tạo những cơ hội lớn hơn cho Việt Nam, đặc biệt là khi các nền kinh tế trong RCEP như ASEAN, Trung Quốc có sự tương đồng cao với Việt Nam do đó sẽ gây áp lực cạnh tranh lớn hơn. Ngoài ra, RCEP dựa trên 5 FTA có sẵn của khu vực và đang trên lộ trình thực hiện nên tác động gia tăng thu nhập và thương mại của nó không thực sự lớn hơn so với tác động từ 5 FTA hiện thời. Hơn nữa, Việt Nam cũng cần chú ý đến tình trạng chênh hướng thương mại khi RCEP thành hiện thực sẽ tạo cơ hội cho ba nền kinh tế lớn Đông Bắc Á là Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc được tự do hóa thương mại. Bởi ba nền kinh tế này hiện chưa thu được FTA ba bên do những bất đồng, nghi kỵ, chia rẽ lợi ích chính trị, nhưng lại là những nền kinh tế có sự hội nhập thực tế dẫn dắt bởi khu vực doanh nghiệp rất mạnh mẽ. Vì vậy, việc gia tăng hội nhập ba nền kinh tế này thông qua RCEP sẽ có những tác động tiêu cực đến thương mại, đầu tư của Việt Nam khi ba quốc gia này đều là những đối tác thương mại đầu tư hàng đầu của nước ta. Thậm chí Việt Nam có thể hoàn toàn mất lợi thế đang có trên thị trường

Nhật Bản và Hàn Quốc trước sự cạnh tranh gay gắt của hàng hóa Trung Quốc và ASEAN. Còn với TPP, các nền kinh tế thành viên đa phần có tính bổ sung với Việt Nam và tạo cơ hội gia tăng thu nhập cho Việt Nam nhiều hơn so với RCEP. Bởi lẽ Việt Nam là nền kinh tế có trình độ phát triển thấp nhất trong khối và những thành viên như Mỹ, Nhật Bản, Canada, Australia, Singapore đều là những nền kinh tế công nghiệp phát triển tiên tiến với những ưu thế về vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý,... Đáng chú ý là trong nội dung “*khu vực hóa đầy đủ*” của TPP cũng yêu cầu các quốc gia cần tạo liên kết giữa các nước đang phát triển và phát triển, tạo cơ hội cho các nước chậm phát triển trong khối có cơ hội nâng cấp trong chuỗi cung ứng sản xuất khu vực, gia tăng hàm lượng giá trị gia tăng. Đây chính là nội dung mà các vòng đàm phán Doha của WTO đã thất bại khi không thể tạo được sự liên kết giữa các nước với các trình độ phát triển khác nhau và khiến các nước này trở thành hai khối cạnh tranh lợi ích với nhau. Do đó, trong TPP Việt Nam có nhiều cơ hội để gia tăng xuất khẩu, thu hút đầu tư và tạo sự chuyển dịch vị trí trong chuỗi sản xuất và cung ứng, đặc biệt là khi Việt Nam hiện chỉ dựa trên các lợi thế về lao động giá rẻ với hàm lượng giá trị gia tăng rất thấp, thậm chí chưa đến 10% trong hầu hết các ngành xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam như dệt may, da giày.

Việt Nam cũng có thể học Nhật Bản khi sử dụng việc tham gia hai khối này như cơ hội quan trọng để cải cách, đổi mới nền kinh tế tạo đà cho sự phát triển dài hạn của đất nước. Trong ngắn hạn khi thực hiện các cải cách và chuẩn bị lộ trình thực hiện các cam kết, nền kinh tế sẽ vấp phải những tổn thương từ quá trình cải cách kinh tế, cũng như trước sự cạnh tranh gay gắt từ môi trường trong nước. Khu vực xuất khẩu cũng chịu ảnh hưởng do yêu cầu phải đảm bảo các tiêu chuẩn khắt khe ở các thị trường đối tác và bắt buộc tuân thủ các yêu cầu cao về môi trường, lao động, cạnh tranh... Tuy nhiên, trong dài hạn, việc áp dụng các chuẩn mực này có lợi ích cho nền kinh tế nhờ việc cải thiện môi trường cạnh tranh hướng tới sự minh bạch và bình đẳng cho các thành phần kinh tế đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chuẩn hóa các thể chế kinh tế thị trường, thúc đẩy quá trình tái cấu trúc, cũng như chuyển đổi mô hình phát triển. Tuy nhiên, để thu được những lợi ích lâu dài, Việt Nam cần lên kế hoạch chuẩn bị sẵn sàng với lộ trình cải cách và những chiến lược phát triển kinh tế hợp lý để tận dụng những lợi thế đang có, xây dựng những ưu thế mới và giảm thiểu các bất lợi có thể có khi hai cơ chế hội nhập đi vào lộ trình thực thi ■

Tài liệu tham khảo:

1. Cheng, T J và Peter C. Y Chow (2013) “Global Opportunities, Local and Transnational Politics: Taiwan’s Bid for FTAs”, *Conference on “The Trans - Pacific*

- Partnership and Taiwan's Future Development Strategy*" on 10-11/12/2013, Stanford University, USA.
2. Cheong, Inkyo (2013). "Importance of Public Outreach to the FTA Policy The Case of Korea" forthcoming in *The Northeast Asian Economic Review*, Niigata ERINA
 3. Glaser, Bonnie S (2013) Taiwan's Quest for Greater Participation in the International Community, *Report of the CSIS Freeman Chair in China Studies*, 11/2013, 66p.
 4. Kawashaki, Kenichi (2013) TPP vs RCEP - Competitor or Complements? *CTPECC 2013, Taipei, Taiwan*
 5. Lcc, Chang Jac (2013) CJK FTA and RCEP. A Korean Perspective, *International Conference on East Asia FTAs China - Japan - Korea FTA and RCEP, KIEP* on June 14, 2013, Seoul, Korea
 6. Park, Inn Won (2013) Taks and Future Prospects for the RCEP, *International Conference on East Asia FTAs. China Japan - Korea FTA and RCEP, KIEP* on June 14, 2013, Seoul, Korea
 7. Petri, Peter A (2014) The New Landscape of World Trade: the TPP and other Mega-regionals, *RIETI Special Semina on "The New Landscape of World Trade with Mega-FTAs and Japan's Strategy"*, 17/2/2014, Tokyo, Japan.
 8. Suh, Jin Kyo (2013) Korea's Perspectives on TPP, *Conference on the Trans-Pacific Partnership and Taiwan's Future Development Strategy* on 11-12/10/2013, Stanford University.
 9. Terada, Takashi (2014) Japan's Asian Policy Strategy Evolution of and Prospects for Multilateralism in Security, Trade and Financial Cooperation, *Public Policy Review Policy Research Institute, Ministry of Finance, Japan*, Vol 10, No 1, pp 227-252, March 2014.
 10. Urata, Shujiro (2014) Mega FTA Negotiations and Japan's FTA Strategy, *RIETI Special Semina on "The New Landscape of World Trade with Mega - FTAs and Japan's Strategy"*, 17/2/2014, Tokyo, Japan.
 11. Watanabe, Yoriyumi (2013) The Growth Strategy and the TPP - The Third Arrow of the Abenomics, *Conference on "Abenomics From Macroeconomic to Structural Reform" on November 6, 2013*, Peterson Institute for International Economics, Washington, D.C, USA.

Chú thích:

1. Năm ASEAN+IFTA đơn lẻ bao gồm các FTAs ASEAN + Trung Quốc, ASEAN + Nhật Bản, ASEAN + Hàn Quốc, ASEAN + Australia và New Zealand, và ASEAN + Ấn Độ.
2. Xem thêm In-Soo Nam, "Seoul shows interest in Trans-Pacific Partnership", *The Wall Street Journal*, 29/10/2013.
3. Xem thêm trong MOFA (17/2/2014) "President Ma Ying-jeou attends seminar on Taiwan's bid to participate in TPP and RCEP".